

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30-6-2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ**

T1 phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trà Giang

2. Ông Lê Minh Quan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1984; địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1981; địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Trần Văn T1 sống chung với nhau từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu ông bà sinh sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng ý kiến về mọi mặt nên thường xuyên gây gổ, cãi vã. Ông T1 nhiều lần nhậu nhẹt, cờ bạc dẫn đến nợ nần; bà T đã khuyên can và tha thứ để vợ chồng cùng nuôi dạy con nhưng ông T1

không thay đổi nên bà đã về nhà mẹ ruột sống từ đầu năm 2022 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung tên Trần Minh T2, sinh ngày 08/10/2010 và Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 20/6/2014. Hiện nay cháu T2 đang sống cùng bà T và cháu N đang sống cùng ông T1. Bà T và ông T1 đã thỏa T: bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân cũng như thời gian chung sống vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông T1 không đồng ý với trình bày của bà T, tuy vợ chồng nhiều lần cãi vã, ông cũng có cờ bạc nhưng hiện ông đã thay đổi, mong muốn đoàn tụ với gia đình để cùng nuôi con chung. Từ đầu năm 2022 đến nay, bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông T1 đã tìm đến hàn gắn nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên là Trần Minh T2, sinh ngày 08/10/2010 và Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 20/6/2014. Hiện nay cháu N đang sống cùng ông T1 và cháu T2 đang sống cùng với bà T. Ông cũng đồng ý quan điểm nuôi con như trên của bà T

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà T kiên quyết ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử không hòa giải vì trước phiên tòa, cũng nhiều lần hòa giải nhưng ông T1 chứng nào tật nấy, không thay đổi. Đây là lần thứ 4 bà yêu cầu ly hôn và sức chịu đựng đã không còn.

- Bị đơn ông T1 thừa nhận mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Cả nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T xin ly hôn với ông Trần Văn T1 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông T1; Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh T2, sinh ngày 08/10/2010 và Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 20/6/2014. Hiện nay cháu N đang sống cùng ông T1 và cháu T2 đang sống cùng với bà T, theo yêu cầu của đương sự và nguyện vọng của con chung chưa T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu N cho ông T1 và cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T1, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 14/4/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống, lối sống chung không phù hợp, không thể giải quyết được nên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Ngoài ra ông T1 cờ bạc dẫn đến nợ nần nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Tuy đã nhiều lần cùng nhau nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không T1. Tại phiên tòa, bà T kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với ông T1, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Ông T1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình chưa ổn định, bà T không chịu được áp lực nợ nần và kinh tế gia đình nên hai vợ chồng cãi vã nhau. Trước đây ông T1 có chơi cờ bạc nhưng khoảng 02 năm nay ông đã thay đổi nhưng ông T1 không có cách nào để hàn gắn tình cảm gia đình.

Từ những lời trình bày của bà T và ông T1 nhận thấy ông bà có mâu thuẫn với nhau về đời sống kinh tế, áp lực nợ nần và ông T1 thừa nhận có cờ bạc, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2022. Trong thời gian này ông bà không gặp nhau để hòa giải cũng như hàn gắn tình cảm gia đình. Điều này đã chứng minh ông bà không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở đề Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên là Trần Minh T2, sinh ngày 08/10/2010 và Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 20/6/2014. Hiện nay cháu Như đang do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Tâm đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung chưa T1 nên nên chấp nhận yêu cầu của bà T, ông T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng T1 và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T, ông T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Minh T2, sinh ngày 08/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và con chung tên Trần Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 20/6/2014 cho ông Trần Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng T1 (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, ông T1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà T, ông T1 được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009762 ngày 25/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- THA huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- UBND TT. Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung

